

Số: 1403 /QĐ-TCT

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2010.

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy trình phối hợp trao đổi thông tin
đăng ký doanh nghiệp giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký kinh doanh**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế, các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 115/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính và các văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 59/2007/NQ-CP ngày 30/11/2007 của Chính phủ về một số giải pháp xử lý những vướng mắc trong hoạt động đầu tư xây dựng và cải cách một số thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế khai và kế toán thuế, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin thuộc Tổng cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình phối hợp trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi cục trưởng Chi cục Thuế các quận, huyện, thị xã, thành phố; Trưởng các Vụ và đơn vị tương đương thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thuế;
- Các đơn vị thuộc Tổng cục;
- Lưu VT, KK (5b), CNTT (5b).

(Đã ký)

Lê Hồng Hải.

QUY TRÌNH
PHỐI HỢP TRAO ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
GIỮA CƠ QUAN THUẾ VÀ CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày tháng năm 2010
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

PHẦN I:
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục đích của quy trình:

- Quy định phương án kết nối, trao đổi thông tin giữa Hệ thống Đăng ký thuế của Tổng cục Thuế (Bộ Tài chính) với Hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia (Bộ Kế hoạch và đầu tư) trong quá trình xử lý thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và theo các mẫu biểu quy định tại Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quy định trách nhiệm của cơ quan Thuế các cấp phải xử lý dữ liệu, truyền nhận dữ liệu, theo dõi vận hành hệ thống, giám sát và khắc phục vướng mắc trong quá trình phối hợp trao đổi thông tin với cơ quan ĐKKD, nhằm hạn chế các vướng mắc, đảm bảo thực hiện được các quy trình ĐKDN đúng thời hạn quy định tại Nghị định.

2. Phạm vi áp dụng:

Quy trình áp dụng cho cơ quan Thuế các cấp xử lý thủ tục *Đăng ký doanh nghiệp* theo quy định tại Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 đối với các loại hình doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp.

Các đối tượng còn lại vẫn thực hiện đăng ký thuế theo quy định tại Thông tư số 85/2007/TT-BTC ngày 18/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế về đăng ký thuế và theo Quy trình Quản lý đăng ký thuế ban hành kèm theo Quyết định số 443/QĐ-TCT ngày 29/4/2009 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

3. Một số thuật ngữ và từ viết tắt sử dụng trong quy trình:

- ĐKKDQG: Là tên viết tắt của hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia của Bộ Kế hoạch – đầu tư.

- ĐKT: Là tên viết tắt của hệ thống Đăng ký thuế của Tổng cục Thuế.

- ĐKDN: Viết tắt cụm từ “đăng ký doanh nghiệp”. *Đăng ký doanh nghiệp* theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP bao gồm nội dung về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

- GCNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- TIN: Viết tắt của từ mã số thuế bằng tiếng Anh “Taxpayer Identify Number” trong hệ thống Đăng ký thuế của ngành Thuế.

- CSDL: Viết tắt cụm từ “cơ sở dữ liệu”.

- Danh mục dùng chung: Là các danh mục được sử dụng chung cho cả 2 hệ thống ĐKKDQG của Bộ Kế hoạch và đầu tư và hệ thống ĐKT của Tổng cục Thuế như: danh mục ngành nghề kinh tế, danh mục địa bàn hành chính, danh mục quốc gia, danh mục loại hình kinh tế v.v...

- DNTN: Viết tắt của cụm từ “Doanh nghiệp tư nhân”.

- TNHH: Viết tắt của cụm từ “Trách nhiệm hữu hạn”.

- Đơn vị trực thuộc: Trong quy trình này Đơn vị trực thuộc được gọi chung cho cả Chi nhánh và Văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

- ĐVTT: Viết tắt của cụm từ “Đơn vị trực thuộc”.

- CMT: Viết tắt cụm từ “Chứng minh thư”.

- NNT: Viết tắt của cụm từ “Người nộp thuế”.

PHẦN II:

NỘI DUNG QUY TRÌNH

Quy trình phối hợp trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp bao gồm 09 nội dung cụ thể sau đây:

1. Trao đổi danh mục dùng chung
2. Đồng bộ thông tin doanh nghiệp khi bắt đầu triển khai hệ thống
3. Trao đổi thông tin đăng ký mới doanh nghiệp
4. Trao đổi thông tin đăng ký mới đơn vị trực thuộc

5. Trao đổi thông tin thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
6. Trao đổi thông tin doanh nghiệp chuyển địa điểm
7. Trao đổi thông tin doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh
8. Trao đổi thông tin thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
9. Trao đổi thông tin khôi phục tạm ngừng kinh doanh.

1. Quy trình trao đổi danh mục dùng chung

Trong quá trình phối hợp trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp thông qua hệ thống công nghệ thông tin, Tổng cục Thuế và Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ KH&ĐT) thống nhất dùng chung các danh mục hệ thống nhằm đảm bảo đồng bộ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp giữa hai ngành.

Các danh mục dùng chung giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký kinh doanh trong quá trình trao đổi thông tin

- Danh mục Quốc gia
- Danh mục Tỉnh/ thành phố
- Danh mục Quận/ huyện
- Danh mục Phường/ xã
- Danh mục ngành nghề kinh doanh
- Danh mục chi tiết loại hình kinh tế
- Danh mục cơ quan Thuế
- Danh mục Kho bạc
- Danh mục Tiền tệ
- Danh mục Loại thuế
- Danh mục giao dịch giữa 2 ngành
- Danh mục kết quả trả về giữa 2 ngành

Quy trình trao đổi thông tin danh mục dùng chung

❖ Trao đổi danh mục dùng chung lần đầu

- Danh mục Quốc gia: Danh mục quốc gia lấy theo danh mục quốc gia trên hệ thống đăng ký mã số thuế của ngành Thuế.
- Danh mục Tỉnh/Thành phố: Danh mục Tỉnh/Thành phố lần đầu lấy theo danh mục Tỉnh/ Thành phố đang sử dụng trên hệ thống Đăng ký thuế của ngành Thuế.
- Danh mục Quận/huyện: Danh mục Quận/Huyện lần đầu lấy theo danh mục Quận/Huyện đang sử dụng trên hệ thống Đăng ký thuế của ngành Thuế.

- Danh mục Phường/Xã: Danh mục Phường/Xã lần đầu lấy theo danh mục Phường/Xã đang sử dụng trên hệ thống Đăng ký thuế của ngành Thuế.
- Danh mục Kho bạc: Danh mục Kho bạc lần đầu lấy theo danh mục Kho bạc đang sử dụng trên hệ thống Đăng ký thuế của ngành Thuế.
- Danh mục Tiền tệ: Danh mục Tiền tệ lần đầu lấy theo danh mục Tiền tệ đang sử dụng trên hệ thống Đăng ký thuế của ngành Thuế.
- Danh mục Loại Thuế: Danh mục Loại Thuế lần đầu lấy theo danh mục Loại Thuế đang sử dụng trên hệ thống Đăng ký thuế của ngành Thuế.
- Danh mục ngành nghề kinh doanh: Danh mục ngành nghề kinh doanh lần đầu lấy theo danh mục ngành nghề kinh doanh ban hành theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 (VSIC 2007).
- Danh mục chi tiết loại hình kinh tế: Danh mục chi tiết loại hình kinh tế lần đầu lấy theo danh mục chi tiết loại hình kinh tế đang sử dụng trên hệ thống Đăng ký thuế của ngành Thuế.
- Danh mục giao dịch: Giao dịch dùng chung trong quá trình thực hiện trao đổi thông tin giữa 2 cơ quan theo từng quy trình.

| Mã giao dịch | Mô tả giao dịch |
|---------------------|--------------------------------------|
| 01 | Đăng ký mới cho doanh nghiệp |
| 02 | Đăng ký mới cho đơn vị trực thuộc |
| 03 | Thay đổi thông tin doanh nghiệp |
| 04 | Đăng ký chuyển địa điểm |
| 05 | Đăng ký tạm ngừng kinh doanh |
| 06 | Thu hồi giấy chứng nhận ĐKDN |
| 07 | Khôi phục ngừng hoạt động kinh doanh |

- Danh mục kết quả trả về từ hệ thống Đăng ký thuế:

| Mã kết quả | Mô tả |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 00 | Xác nhận giao dịch thành công |
| 01 | Trùng thông tin với doanh nghiệp khác (Quyết định thành lập, CMT) |
| 02 | Mã số thuế không tồn tại trong hệ thống |

| Mã kết quả | Mô tả |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 03 | Đơn vị trực thuộc đã được đăng ký |
| 04 | Số Quyết định thành lập (QĐTL) không đúng với đăng ký trước khi chuyển địa điểm |
| 05 | Người nộp thuế (NNT) đã bị xoá khỏi hệ thống |
| 06 | NNT chưa đăng ký chuyển địa điểm đi |
| 07 | Số CMT không đúng với đăng ký trước khi chuyển địa điểm |
| 09 | Đã có NNT đăng ký mã số này ở tỉnh khác |
| 10 | Thông tin gửi Tổng cục Thuế (GDT) không đầy đủ |
| 11 | Mã TIN khôi phục đang hoạt động tại tỉnh khác |
| 12 | TIN của công ty mẹ không có trong hệ thống |
| 13 | Không được cơ quan Thuế chấp nhận |
| 14 | Mã số thuế của đơn vị chủ quản đang ở trạng thái không hoạt động |
| 15 | Sai địa bàn với nơi đăng ký chuyển đến |
| 16 | Sai loại hình kinh tế với trước khi chuyển đi |
| 17 | Sai loại hình doanh nghiệp tại hệ thống đăng ký thuế |
| 18 | MST không còn hoạt động |
| 19 | MST không phải ở trạng thái đang tạm ngừng hoạt động |
| 20 | Sai loại hình kinh tế với đơn vị chủ quản |
| 21 | Sai địa bàn |
| 22 | Sai mã TIN hoặc sai địa bàn đơn vị chủ quản |
| 23 | Sai số CMT của đơn vị chủ quản |
| 99 | Lỗi khác |

➤ Danh mục kết quả trả về từ Hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia:

| Mã kết quả | Tên kết quả |
|-------------------|-------------------------------------------------------------|
| 79 | Chờ xác nhận |
| 80 | Xác nhận cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |
| 81 | Không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |

❖ Trao đổi danh mục dùng chung các lần phát sinh

Khi có thông tin thay đổi liên quan tới hệ thống danh mục dùng chung, Tổng cục Thuế sẽ là đầu mối cập nhật các thông tin thay đổi và chuyển thông tin thay đổi cho Hệ thống ĐKKDQG của Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ KH&ĐT).

2. Quy trình đồng bộ thông tin doanh nghiệp khi bắt đầu triển khai hệ thống giữa hai ngành

Mục đích:

Đối chiếu thông tin về doanh nghiệp hiện thời cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký kinh doanh đang quản lý trong hệ thống CSDL của mỗi ngành, nhằm đưa ra những dữ liệu sai khác giữa hai hệ thống, đồng thời đưa ra cách thức phối hợp giải quyết, xử lý các sai khác giữa hai hệ thống trước khi hai ngành bắt đầu triển khai hệ thống trao đổi thông tin ĐKKD - ĐKT.

Các sai khác về thông tin ĐKKD, ĐKT và biện pháp xử lý:

a). Doanh nghiệp đã có trong CSDL đăng ký thuế và đã có trong CSDL đăng ký kinh doanh nhưng thông tin về doanh nghiệp không khớp nhau trong hệ thống của 2 ngành

Khi thông tin giữa hai hệ thống không khớp nhau, Cục Phát triển doanh nghiệp (Bộ KH&ĐT) có trách nhiệm làm đầu mối liên hệ, đôn đốc doanh nghiệp thực hiện đối chiếu và điều chỉnh thông tin sai lệch. Việc thông báo thông tin sai lệch của doanh nghiệp được thực hiện theo phương thức thông báo công khai trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của Bộ Kế hoạch và đầu tư và gửi thông báo trực tiếp tới doanh nghiệp. Sau khi đối chiếu thông tin sai lệch, mọi thay đổi thông tin của doanh nghiệp được thực hiện đúng theo quy trình đăng ký thông tin thay đổi quy định tại quy trình này nhằm đảm bảo thông tin về doanh nghiệp được đồng bộ, thống nhất giữa hai hệ thống.

b). Doanh nghiệp đã có trong trong CSDL ĐKT nhưng chưa có trong CSDL ĐKKD

Đối với những doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định số 43/2010/NĐ-CP, đã có dữ liệu trong hệ thống ĐKT nhưng chưa có trong hệ thống ĐKKD, có thể có 2 trường hợp:

Trường hợp 1: Doanh nghiệp đã được cấp GCNĐKKD (thể hiện bằng bản giấy) nhưng không được lưu trữ, hoặc không có trong cơ sở dữ liệu ĐKKD của cơ quan ĐKKD, nhưng trong CSDL về ĐKT của ngành Thuế đã có dữ liệu của doanh nghiệp này. Xử lý như sau:

- Tổng cục Thuế chuyển toàn bộ thông tin về doanh nghiệp cho Bộ Kế hoạch và đầu tư để Bộ Kế hoạch và đầu tư chỉ đạo cơ quan ĐKKD cấp tỉnh điều tra, rà soát lại thông tin của doanh nghiệp, thực hiện bổ sung thông tin vào hệ thống ĐKKDQG.

- Cục Thuế và Tổng cục Thuế nhận được toàn bộ thông tin thay đổi so với thông tin ban đầu về doanh nghiệp do cơ quan ĐKKD truyền sang theo đúng trình tự thay đổi thông tin doanh nghiệp quy định tại quy trình này nhằm đảm bảo thông tin về doanh nghiệp được đồng bộ, thống nhất giữa hai hệ thống.

Trường hợp 2: Doanh nghiệp chưa từng ĐKKD, nhưng lại có trong CSDL về ĐKT của ngành Thuế. Xử lý:

- Tổng cục Thuế chuyển toàn bộ thông tin về doanh nghiệp cho Bộ Kế hoạch và đầu tư, đồng thời chỉ đạo Cục Thuế ra thông báo yêu cầu các doanh nghiệp này phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan Thuế phối hợp với cơ quan ĐKKD thực hiện các bước theo đúng trình tự đăng ký mới doanh nghiệp quy định tại quy trình này. Tuy nhiên, mã số doanh nghiệp mà cơ quan Thuế truyền sang hệ thống ĐKKDQG là mã số mà cơ quan Thuế đã cấp cho doanh nghiệp trước đây, đang có trong hệ thống ĐKT để đảm bảo dữ liệu về quản lý thuế trong ngành Thuế không bị ảnh hưởng.

c). Doanh nghiệp đã có trong CSDL ĐKKD nhưng chưa có trong CSDL đăng ký thuế

Đối với những doanh nghiệp thuộc phạm vi của dự án, có dữ liệu trong hệ thống ĐKKD nhưng chưa có trong hệ thống ĐKT, có thể có 2 trường hợp:

Trường hợp 1: Doanh nghiệp đã ĐKKD và đã có trong CSDL về ĐKKD; doanh nghiệp cũng đã từng ĐKT và đã được cấp mã số thuế và Giấy chứng nhận đăng ký thuế, nhưng vì lý do nào đó, dữ liệu về doanh nghiệp không có trong CSDL của ngành Thuế. Cơ quan Thuế cấp tinh báo lên Tổng cục Thuế để được hỗ trợ xử lý trường hợp này.

Trường hợp 2: Doanh nghiệp đã ĐKKD và đã có trong CSDL về ĐKKD, nhưng doanh nghiệp chưa từng ĐKT và chưa có mã số thuế. Xử lý:

- Cơ quan ĐKKD xác định nếu doanh nghiệp thực tế vẫn đang hoạt động thì thông báo doanh nghiệp bổ sung thông tin ĐKT. Cơ quan ĐKKD nhập bổ sung thông tin ĐKT vào hệ thống ĐKKDQG và truyền thông tin doanh nghiệp sang hệ thống ĐKT theo quy trình đăng ký mới doanh nghiệp quy định tại quy trình này.

- Sau khi cơ quan Thuế cấp mới mã số thuế và truyền mã số thuế cho hệ thống ĐKKD, hệ thống ĐKKD cập nhật mã số thuế thành mã số doanh nghiệp thay thế số Giấy chứng nhận ĐKKD trước đây của doanh nghiệp. Hệ thống ĐKKD hoàn tất quy trình ĐKDN và truyền toàn bộ thông tin của doanh nghiệp cho cơ quan Thuế theo đúng quy trình trao đổi thông tin đăng ký mới doanh nghiệp.

Lưu ý: Các trường hợp nêu tại điểm b, c trong quy trình đồng bộ thông tin doanh nghiệp khi bắt đầu triển khai hệ thống giữa 2 ngành, do dữ liệu lịch sử để lại, nếu không thể khắc phục được theo các quy trình đã có, cán bộ ĐKT cần báo cáo lên đội hỗ trợ Trung ương của 2 ngành để giải quyết, có thể phải can thiệp bằng kỹ thuật, nếu cần thiết, để đảm bảo đúng với thực tế.

3. Quy trình trao đổi thông tin đăng ký mới doanh nghiệp

- Hệ thống ĐKT của cơ quan Thuế nhận thông tin đăng ký mới doanh nghiệp từ cơ quan ĐKKD truyền sang lần đầu với yêu cầu cấp mới mã số doanh nghiệp (*Chi tiết thông tin đăng ký mới doanh nghiệp, hệ thống ĐKKDQG truyền sang cho hệ thống ĐKT nêu tại phụ lục 01 đính kèm quy trình*).
- Bộ phận ĐKT kiểm tra sơ bộ thông tin (có đủ dữ liệu để cấp mã số doanh nghiệp hay không?), tạo mã số doanh nghiệp.
- Chậm nhất trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được thông tin yêu cầu cấp mới mã số doanh nghiệp, Hệ thống ĐKT sẽ truyền dữ liệu mã số doanh nghiệp sang hệ thống ĐKKDQG hoặc thông báo lý do không đủ điều kiện cấp mã số doanh nghiệp (*Chi tiết dữ liệu truyền sang cơ quan ĐKKD nêu tại phụ lục 02 đính kèm quy trình*).
- Hệ thống ĐKT nhận thông tin từ hệ thống ĐKKDQG truyền sang lần 2, xác nhận hoàn thành cấp GCNĐKDN (*Chi tiết dữ liệu truyền sang nêu tại phụ lục 03 đính kèm quy trình*). Hệ thống ĐKT cập nhật ngày xác nhận cấp GCNĐKDN thay thế ngày cấp mã số thuế trong hệ thống ĐKT, truyền dữ liệu ĐKDN lên hệ thống Trang thông tin điện tử của ngành Thuế (bao gồm cả thông tin về Mục lục Ngân sách của doanh nghiệp và cơ quan thuế quản lý trực tiếp) và truyền dữ liệu cho các hệ thống của các cơ quan liên quan đến mã số thuế.
- Việc phân cấp quản lý doanh nghiệp trong nội bộ ngành Thuế vẫn theo các quy định hiện hành về quản lý thuế.
- Trường hợp thông tin phản hồi từ hệ thống ĐKKDQG truyền sang hệ thống ĐKT là không đủ điều kiện cấp GCNĐKDN (không đủ điều kiện thành lập doanh nghiệp), hệ thống ĐKT của cơ quan Thuế cập nhật thông tin hủy mã số thuế đã cấp trong hệ thống ĐKT của ngành Thuế (cả cấp Cục và Tổng cục).

4. Quy trình trao đổi thông tin đăng ký mới đơn vị trực thuộc

- Hệ thống ĐKT của Tổng cục Thuế nhận thông tin đăng ký mới đơn vị trực thuộc từ hệ thống ĐKKDQG truyền sang lần đầu (*Chi tiết thông tin đăng ký mới đơn vị trực thuộc hệ thống ĐKKDQG truyền cho hệ thống ĐKT nêu tại phụ lục 04 đính kèm quy trình*).
- Hệ thống ĐKT của Tổng cục kiểm tra địa bàn hành chính của đơn vị chủ quản, nếu đơn vị trực thuộc cùng địa bàn tỉnh với đơn vị chủ quản, truyền thông tin về Cục Thuế. Hệ thống ĐKT của Cục Thuế tạo mã số và truyền trả kết quả cho cơ quan ĐKKD giống như đăng ký mới doanh nghiệp (*Chi tiết dữ liệu truyền cho cơ quan ĐKKD nêu tại phụ lục 02 đính kèm quy trình*).

- Nếu đơn vị trực thuộc khác địa bàn với đơn vị chủ quản:
 - Hệ thống ĐKT của Tổng cục truyền thông tin yêu cầu cấp mã số ĐVTT về Cục Thuế quản lý đơn vị chủ quản để thực hiện tạo mã số thuế cho ĐVTT, sau đó truyền mã số thuế ĐVTT cho Cục Thuế nơi ĐVTT đặt trụ sở.
 - Hệ thống ĐKT của Cục Thuế nơi ĐVTT đặt trụ sở nhận dữ liệu mã số ĐVTT, Bộ phận ĐKT kiểm tra thông tin ĐVTT, thực hiện đăng ký thuế theo đúng quy trình ĐKT hiện hành của ngành Thuế, truyền kết quả đăng ký mới mã số ĐVTT cho hệ thống ĐKKDQG (*Chi tiết dữ liệu truyền cho cơ quan ĐKKD nêu tại phụ lục 02 đính kèm quy trình*).
- Hệ thống ĐKT nhận thông tin xác nhận cấp GCNĐKDN cho đơn vị trực thuộc từ hệ thống ĐKKDQG truyền sang, cập nhật dữ liệu ĐKKD vào hệ thống ĐKT của ngành Thuế, lấy ngày cấp GCNĐKDN thay cho ngày cấp mã số thuế ĐVTT, đưa thông tin ĐVTT lên hệ thống Trang thông tin điện tử của ngành Thuế.
- Trường hợp thông tin phản hồi từ hệ thống ĐKKDQG là không đủ điều kiện cấp GCNĐKDN cho đơn vị trực thuộc, hệ thống ĐKT của Tổng cục Thuế cập nhật thông tin hủy mã số đã cấp đồng thời tại 3 hệ thống: Hệ thống ĐKT cấp Tổng cục, hệ thống ĐKT cấp Cục Thuế nơi quản lý doanh nghiệp chủ quản, hệ thống ĐKT cấp Cục Thuế nơi ĐVTT đặt trụ sở. Không đưa thông tin của ĐVTT lên hệ thống Trang thông tin điện tử của ngành Thuế.

Lưu ý: Quy trình trao đổi thông tin đăng ký mới đơn vị trực thuộc nêu trên chỉ thực hiện được khi hệ thống trao đổi thông tin giữa 2 ngành đã được triển khai đồng bộ cả nước.

5. Quy trình trao đổi thông tin thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

- Hệ thống ĐKT nhận thông tin thay đổi từ hệ thống ĐKKDQG truyền sang (*Chi tiết thông tin thay đổi nội dung ĐKDN hệ thống ĐKKDQG truyền cho cơ quan Thuế nêu tại phụ lục 05 đính kèm quy trình*).
- Bộ phận ĐKT của Cục Thuế kiểm tra thông tin thay đổi, thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế theo đúng quy trình thay đổi thông tin hiện hành của ngành Thuế.
- Chậm nhất trong thời gian 02 ngày làm việc (kể từ thời điểm nhận được yêu cầu thay đổi thông tin từ hệ thống ĐKKDQG, Hệ thống ĐKT truyền kết quả cập nhật thông tin thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gửi hệ thống ĐKKDQG.

6. Quy trình trao đổi thông tin doanh nghiệp chuyển địa điểm

Lưu ý: Quy định tại văn bản pháp quy (điểm 1, Điều 35, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và điểm 1, Điều 13, Thông tư số 14/2010/TT-BKH): Doanh nghiệp chuyển địa điểm trước khi đến phòng ĐKKD cấp tỉnh nơi chuyển đến đăng ký chuyển địa điểm, phải đến khai báo và hoàn tất các nghĩa vụ thuế phát sinh với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về thuế.

Như vậy, quy trình trao đổi thông tin doanh nghiệp chuyển địa điểm chỉ phát sinh tại tỉnh nơi doanh nghiệp chuyển đến.

- Hệ thống ĐKT của Tổng cục Thuế nhận thông tin đăng ký chuyển địa điểm từ hệ thống ĐKKDQG (*Chi tiết thông tin doanh nghiệp chuyển địa điểm, hệ thống ĐKKDQG truyền cho cơ quan Thuế nêu tại phụ lục 06 đính kèm quy trình*). Hệ thống ĐKT của Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra trong hệ thống:
 - Trường hợp doanh nghiệp chưa làm thủ tục chuyển địa điểm tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi đi, hệ thống ĐKT của Tổng cục Thuế gửi thông tin phản hồi cho hệ thống ĐKKDQG là doanh nghiệp chưa làm thủ tục chuyển địa điểm tại Cục Thuế nơi đi.
 - Trường hợp doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục chuyển địa điểm với Cục Thuế nơi đi, hệ thống ĐKT của Tổng cục Thuế truyền toàn bộ thông tin của doanh nghiệp về hệ thống ĐKT của Cục Thuế nơi doanh nghiệp chuyển địa điểm đến.
- Trong thời gian 02 ngày làm việc (kể từ thời điểm nhận được dữ liệu yêu cầu đăng ký chuyển địa điểm từ hệ thống ĐKKDQG trường hợp doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục chuyển địa điểm với Cục Thuế nơi đi), Cục Thuế nơi doanh nghiệp đăng ký chuyển đến kiểm tra thông tin doanh nghiệp, thực hiện đăng ký doanh nghiệp chuyển địa điểm theo đúng quy trình hiện hành của ngành Thuế, truyền kết quả đăng ký chuyển địa điểm gửi hệ thống ĐKKDQG.
- Hệ thống ĐKT tự động cập nhật địa bàn mới của doanh nghiệp cho tất cả các đơn vị trực thuộc của DN. Trường hợp đơn vị trực thuộc chuyển địa điểm thì sẽ cập nhật địa bàn mới của đơn vị trực thuộc cho doanh nghiệp chủ quản.

7. Quy trình trao đổi thông tin tạm ngừng kinh doanh

- Hệ thống ĐKT nhận thông tin thay đổi từ hệ thống ĐKKDQG (*Chi tiết thông tin tạm ngừng kinh doanh, hệ thống ĐKKDQG truyền cho cơ quan Thuế nêu tại phụ lục 07 đính kèm quy trình*). Bộ phận ĐKT của Cục Thuế kiểm tra thông tin, thực hiện đăng ký tạm ngừng kinh doanh cho doanh nghiệp theo đúng quy trình hiện hành của ngành Thuế. Hệ thống ĐKT truyền kết quả hoàn thành xử lý đăng ký tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp cho hệ thống ĐKKDQG.

8. Quy trình trao đổi thông tin đăng ký giải thể doanh nghiệp

Doanh nghiệp có hồ sơ đề nghị giải thể:

- Hệ thống ĐKT nhận thông tin thông báo về việc giải thể doanh nghiệp từ hệ thống ĐKKDQG (*Chi tiết thông tin giải thể doanh nghiệp hoặc thu hồi GCNĐKDN, hệ thống ĐKKDQG truyền cho hệ thống ĐKT nêu tại phụ lục 08 đính kèm quy trình*).
- Bộ phận ĐKT của Cục Thuế kiểm tra thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp và gửi kết quả phản hồi cho cơ quan ĐKKD.
- Trường hợp 1, nếu doanh nghiệp đã hoàn tất nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật Thuế:
 - Cơ quan Thuế thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp theo đúng quy trình hiện hành của ngành Thuế. Hệ thống ĐKT truyền kết quả hoàn thành việc xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế cho hệ thống ĐKKDQG.
 - Chậm nhất sau 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể sang Cơ quan Thuế.
- Trường hợp 2, doanh nghiệp chưa hoàn tất nghĩa vụ thuế:
 - Cơ quan Thuế chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số trong hệ thống ĐKT. Hệ thống ĐKT gửi phản hồi thông tin doanh nghiệp chưa hoàn tất nghĩa vụ thuế về hệ thống ĐKKDQG đề nghị cơ quan ĐKKD thông báo cho doanh nghiệp phải hoàn tất nghĩa vụ thuế với cơ quan Thuế trước khi thu hồi GCNĐKDN.
 - Sau khi doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ thuế với cơ quan Thuế, cơ quan Thuế thực hiện các thủ tục như trường hợp 1 nêu trên.

Doanh nghiệp bị cơ quan ĐKKD thu hồi GCNĐKKD hoặc GCNĐKDN theo các trường hợp quy định tại khoản 8, Điều 60 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP:

- Hệ thống ĐKT nhận thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận ĐKKD hoặc GCNĐKDN từ hệ thống ĐKKDQG (*Chi tiết thông tin giải thể doanh nghiệp hoặc thu hồi GCNĐKDN, hệ thống ĐKKDQG truyền cho hệ thống ĐKT nêu tại phụ lục 08 đính kèm quy trình*).
- Bộ phận ĐKT của Cục Thuế thực hiện các bước như trên.
- Trường hợp cơ quan ĐKKD đã thu hồi GCNĐKKD hoặc GCNĐKDN của doanh nghiệp, nhưng doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Nghị định (hoặc trường hợp doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích), cơ quan Thuế có thể chuyển tình trạng hoạt động của doanh

nghiệp trong hệ thống ĐKT sang trạng thái ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế. Sau một thời gian, doanh nghiệp được cơ quan ĐKKD phục hồi trạng thái hoạt động kinh doanh trở lại (hoặc cơ quan Thuế thực hiện thủ tục khôi phục tình trạng hoạt động). Khi đó cơ quan thuế nhập hoặc nhận thông tin thay đổi vào hệ thống ĐKT để khôi phục lại trạng thái hoạt động cho doanh nghiệp.

9. Quy trình trao đổi thông tin khôi phục tạm ngừng kinh doanh.

- Hệ thống ĐKT tại Tổng cục Thuế nhận thông tin đăng ký khôi phục tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp từ hệ thống ĐKKDQG (*Chi tiết thông tin khôi phục tạm ngừng kinh doanh hệ thống ĐKKDQG truyền cho hệ thống ĐKT nêu tại phụ lục 09 đính kèm quy trình*).
- Bộ phận ĐKT của Cục Thuế kiểm tra sơ bộ thông tin. Bộ phận ĐKT của Cục Thuế thực hiện đăng ký khôi phục tạm ngừng kinh doanh cho doanh nghiệp theo đúng quy trình hiện hành của ngành Thuế; truyền kết quả xử lý cho hệ thống ĐKKDQG.

PHẦN III:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN THUẾ TRONG VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH

1. Theo dõi giám sát và vận hành hệ thống:

- Từng cơ quan Thuế (cả cấp Trung ương và cấp địa phương) phải cử cán bộ nghiệp vụ và cán bộ tin học làm đầu mối để duy trì hoạt động của hệ thống trao đổi thông tin.

- Cán bộ làm công tác đăng ký thuế của các cơ quan Thuế thực hiện truyền, nhận dữ liệu theo quy định tại Phần II quy trình này.

- Hàng ngày và định kỳ, cán bộ quản trị của từng đơn vị phải kiểm tra hệ thống, gồm: Kiểm tra hoạt động của máy chủ, kiểm tra hoạt động của phần mềm ứng dụng, kiểm tra hệ thống truyền tin có bị sự cố cũng như bị động dữ liệu trao đổi trên hàng đợi.

2. Trách nhiệm cụ thể của cơ quan Thuế các cấp trong việc triển khai hệ thống trao đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp với cơ quan ĐKKD:

2.1. Tổng cục Thuế:

- Chỉ đạo, tổ chức tập huấn và hướng dẫn cơ quan Thuế địa phương thực hiện Quy trình phối hợp trao đổi thông tin với cơ quan Đăng ký kinh doanh cũng như các phần mềm ứng dụng CNTT để các đơn vị triển khai thực hiện.

- Hỗ trợ cơ quan Thuế địa phương trong quá trình trao đổi thông tin giữa hai hệ thống, có biện pháp khắc phục và giải quyết kịp thời các vướng mắc xảy ra.

- Phối hợp với Bộ KH&ĐT (Cục Phát triển doanh nghiệp) hỗ trợ tháo gỡ, xử lý vướng mắc trong quá trình trao đổi thông tin giữa cơ quan ĐKKD và cơ quan Thuế cấp tỉnh.

2.2. Cơ quan Thuế địa phương:

Lãnh đạo cơ quan Thuế cấp tỉnh phối hợp với Sở KH&ĐT tổ chức triển khai Nghị định và đồng bộ triển khai hệ thống công nghệ thông tin của hai ngành nhằm thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo các quy định tại Nghị định.

Lãnh đạo cơ quan Thuế cấp tỉnh tổ chức, bố trí phân công cán bộ thực hiện việc phối hợp với cơ quan ĐKKD thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo các nội dung nêu tại quy trình này:

- Quản trị CSDL và phần mềm ứng dụng Đăng ký thuế, sinh mã số thuế kịp thời, chuyển mã số thuế và các thông tin liên quan đúng thời hạn quy định cho cơ quan ĐKKD; Cập nhật các thông tin liên quan đến đăng ký doanh nghiệp từ cơ quan ĐKKD truyền sang.

- Định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng, đối chiếu dữ liệu cấp mã, dữ liệu truyền, nhận với cơ quan ĐKKD, cung cấp số điện thoại, thư điện tử liên hệ cho cơ quan ĐKKD cùng cấp để tiện liên hệ, trao đổi công tác và khắc phục sự cố nhanh, nếu có.

- Kiểm soát dữ liệu trong quá trình truyền, nhận. Khi các kết quả truyền trả cơ quan ĐKKD trong quá trình thực hiện các quy trình nêu trên là các thông báo lỗi dữ liệu, cán bộ ĐKT cần hỗ trợ giải thích, hướng dẫn cán bộ ĐKKD đọc kỹ thông báo lỗi, cùng phối hợp xử lý khắc phục các lỗi theo nội dung nêu tại *phụ lục 10* đính kèm quy trình này.

- Khi hệ thống gặp sự cố, không thực hiện được việc truyền, nhận dữ liệu, cán bộ nghiệp vụ thông báo lỗi cho cán bộ tin học làm đầu mối tại đơn vị. Khi nhận được lỗi do cán bộ nghiệp vụ gửi đến, cán bộ tin học đầu mối tại Cục Thuế phải kiểm tra ngay sự hoạt động của hệ thống hiện tại. Nếu phát sinh lỗi không tự giải quyết được thì phải thông báo cho cán bộ hỗ trợ của Tổng cục Thuế biết để phối hợp giải quyết khi cần thiết.

3. Quy trình dự phòng:

Trong trường hợp đường truyền giữa Bộ KH&ĐT và Tổng cục Thuế gặp sự cố không thể khắc phục được kịp thời, cơ quan Thuế hoặc cơ quan Đăng ký kinh doanh không nhận được dữ liệu qua đường truyền về đăng ký doanh nghiệp, Cục Thuế phải phối hợp với Sở KH&ĐT (Phòng ĐKKD) thực hiện ngay:

- Yêu cầu Phòng ĐKKD sao chụp thêm một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của tất cả các trường hợp cấp mới, thay đổi, chuyển địa điểm v.v..., luân chuyển một bộ hồ sơ đăng ký bằng giấy cho Cục Thuế.

- Cơ quan Thuế nhập hồ sơ giấy vào hệ thống ứng dụng Đăng ký Thuế.
- Cơ quan Thuế tạo mã số, in kết quả xử lý ra giấy và chuyển trả kết quả bằng tài liệu giấy cho cơ quan ĐKKD./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(Đã ký)

Lê Hồng Hải.

PHỤ LỤC 01

Thông tin hệ thống ĐKKDQG truyền sang hệ thống ĐKT trường hợp đăng ký mới doanh nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| STT | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 2 | Mã Tỉnh | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 3 | Mã doanh nghiệp (enterpriseId) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 4 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 5 | Tên chính thức | Y | VARCHAR2 | 100 |
| 6 | Tên Doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài | | VARCHAR2 | 60 |
| 7 | Tên viết tắt | | VARCHAR2 | 60 |
| | <i>Địa chỉ trụ sở (nếu trụ sở ở nước ngoài, lấy theo địa chỉ trụ sở VN của cơ quan Thuế).</i> | | | |
| 8 | Số nhà, đường phố, thôn xã | | VARCHAR2 | 60 |
| 9 | Mã Tỉnh/Thành phố của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 10 | Mã Quận/Huyện của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 5 |
| 11 | Mã Phường/Xã của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 7 |
| 12 | Điện thoại của địa chỉ trụ sở | | VARCHAR2 | 20 |
| 13 | Fax của địa chỉ trụ sở | | VARCHAR2 | 20 |
| | <i>Địa chỉ nhận thông báo thuế</i> | | | |
| 14 | Số nhà, đường phố, thôn xã | | VARCHAR2 | 60 |
| 15 | Mã Tỉnh/ Thành phố của địa chỉ nhận TB thuế | | VARCHAR2 | 3 |
| 16 | Mã Quận/ Huyện của địa chỉ nhận TB thuế | | VARCHAR2 | 5 |
| 17 | Mã Phường/ Xã của địa chỉ nhận TB thuế | | VARCHAR2 | 7 |
| 18 | Số Điện thoại của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 20 |
| 19 | Fax của địa chỉ nhận thông báo Thuế | | VARCHAR2 | 20 |
| 20 | Email của địa chỉ nhận thông báo Thuế | | VARCHAR2 | 30 |
| 21 | Ngành nghề kinh doanh (nhập dạng text) | | VARCHAR2 | 200 |
| | <i>Ngành nghề kinh doanh chính (<u>Danh sách phải chọn một ngành chính</u>)</i> | | | |
| 22 | Mã NNKD | Y | VARCHAR2 | 6 |

| STT | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 23 | Ngành chính (cơ quan ĐKKD phải chọn ngành chính) | Y | VARCHAR2 | 1 |
| 24 | Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh | Y | DATE | 7 |
| 25 | Tổng số Lao Động | | NUMBER | 10 |
| | <i>Vốn điều lệ (riêng với DNTN lấy vốn đầu tư ban đầu là vốn khác). Các loại khác truyền đầy đủ thông tin</i> | | | |
| 26 | Vốn NSNN | | NUMBER | 20 |
| 27 | Mã loại tiền của vốn ngân sách Nhà nước | | VARCHAR2 | 3 |
| 28 | Tỷ trọng vốn NSNN | | NUMBER | 5 |
| 29 | Vốn NN | | NUMBER | 20 |
| 30 | Mã loại tiền của vốn nước ngoài | | VARCHAR2 | 3 |
| 31 | Tỷ trọng vốn NN | | NUMBER | 5 |
| 32 | Vốn khác | | NUMBER | 20 |
| 33 | Mã loại tiền của vốn khác | | VARCHAR2 | 3 |
| 34 | Tỷ trọng vốn khác | | NUMBER | 5 |
| | <i>Tài khoản ngân hàng</i> | | | |
| 35 | Mã tài khoản ngân hàng | | VARCHAR2 | 100 |
| 36 | Tên ngân hàng | | VARCHAR2 | 300 |
| | <i>Tài khoản kho bạc</i> | | | |
| 37 | Mã kho bạc | | VARCHAR2 | 5 |
| 38 | Mã tài khoản kho bạc | | VARCHAR2 | 20 |
| 39 | Mã chi tiết loại hình kinh tế | Y | VARCHAR2 | 5 |
| 40 | Hình thức hạch toán về KQ KD (Y-Độc lập, N- Phụ thuộc) | | VARCHAR2 | 1 |
| | <i>Năm tài chính</i> | | | |
| 41 | Ngày bắt đầu năm tài chính | Y | DATE | 7 |
| 42 | Ngày kết thúc năm tài chính | Y | DATE | 7 |
| | <i>Thông tin về chủ doanh nghiệp</i> | | | |
| 43 | Tên chủ doanh nghiệp (DNTN lấy chủ doanh nghiệp, Doanh nghiệp khác lấy người đại diện pháp luật) | Y | VARCHAR2 | 30 |

| STT | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 44 | Số CMT của chủ DN | Y | VARCHAR2 | 60 |
| 45 | Số hộ chiếu của chủ DN | | VARCHAR2 | 60 |
| 46 | Đt liên lạc của chủ DN | | VARCHAR2 | 20 |
| 47 | Địa chỉ của chủ DN(lấy theo địa chỉ cư trú) | | VARCHAR2 | 60 |
| 48 | Mã Tỉnh/ Thành phố của chủ DN | | VARCHAR2 | 3 |
| 49 | Mã Quận/ Huyện của chủ DN | | VARCHAR2 | 5 |
| 50 | Mã Phường/ Xã của chủ DN | | VARCHAR2 | 7 |
| | <i>Các loại thuế phải nộp</i> | Y | | |
| 51 | Giá trị gia tăng. | | VARCHAR2 | 2 |
| 52 | Tiêu thụ đặc biệt | | VARCHAR2 | 2 |
| 53 | Thuế xuất nhập khẩu | | VARCHAR2 | 2 |
| 54 | Tài nguyên | | VARCHAR2 | 2 |
| 55 | Thu nhập doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 2 |
| 56 | Môn bài. | | VARCHAR2 | 2 |
| 57 | Tiền thuê đất. | | VARCHAR2 | 2 |
| 58 | Phí, lệ phí. | | VARCHAR2 | 2 |
| 59 | Thu nhập cá nhân. | | VARCHAR2 | 2 |
| 60 | Khác | | VARCHAR2 | 2 |
| | <i>Thông tin khác</i> | | | |
| 61 | Tên giám đốc | | VARCHAR2 | 30 |
| 62 | Điện thoại của giám đốc | | VARCHAR2 | 30 |
| 63 | Tên kế toán trưởng | | VARCHAR2 | 30 |
| 64 | Điện thoại của kế toán trưởng | | VARCHAR2 | 30 |
| 65 | Tình trạng trước khi tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 2 |
| 66 | MST đã cấp trước khi tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có) danh sách mã số thuế | | VARCHAR2 | 100 |
| 67 | Ngày nhận TK (Ngày bên Thuế nhận yêu cầu cấp mã) | Y | DATE | 7 |

PHỤ LỤC 02

Thông tin phản hồi từ hệ thống ĐKT truyền sang hệ thống ĐKKDQG gửi mã số thuế hoặc gửi thông báo lỗi về việc từ chối cấp MST

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| STT | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|-----|-----------------------|----------|--------------|--------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 2 | Mã kết quả trả về | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 3 | Chi tiết lỗi (Text) | | VARVHAR2 | 100 |
| 4 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 5 | Mã số doanh nghiệp | Y | VARCHAR2 | 14 |

PHỤ LỤC 03

Thông tin Hệ thống ĐKKDQG truyền cho Hệ thống ĐKT trường hợp xác nhận cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|-----------------------------------|----------|--------------|--------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 2 | Mã kết quả trả về | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 3 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 4 | Ngày cấp GCN đăng ký doanh nghiệp | Y | DATE | 7 |
| 5 | Cơ quan cấp đăng ký kinh doanh | Y | VARCHAR2 | 60 |

PHỤ LỤC 04

Thông tin Hệ thống ĐKKDQG truyền cho Hệ thống ĐKT trường hợp đăng ký mới đơn vị trực thuộc

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|---------|--------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 2 | Mã Tỉnh | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 3 | Mã kết quả trả về | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 4 | Mã doanh nghiệp (enterpriseId) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 5 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 6 | Tên chính thức | Y | VARCHAR2 | 100 |
| 7 | Tên Doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài | | VARCHAR2 | 60 |
| 8 | Tên viết tắt | | VARCHAR2 | 60 |
| 9 | Mã bảng kê (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) | Y | VARCHAR2 | 2 |
| | <i>Địa chỉ trụ sở</i> | | | |
| 10 | Số nhà, đường phố, thôn xã | | VARCHAR2 | 60 |
| 11 | Mã Tỉnh/Thành phố của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 12 | Mã Quận/Huyện của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 5 |
| 13 | Mã Phường/Xã của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 7 |
| 14 | Điện thoại của địa chỉ trụ sở | | VARCHAR2 | 20 |
| 15 | Fax của địa chỉ trụ sở | | VARCHAR2 | 20 |
| | <i>Địa chỉ nhận thông báo thuế</i> | | | |
| 16 | Số nhà, đường phố, thôn xã | | VARCHAR2 | 60 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 17 | Mã Tỉnh/Thành phố của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 3 |
| 18 | Mã Quận/Huyện của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 5 |
| 19 | Mã Phường/Xã của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 7 |
| 20 | Số Điện thoại của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 20 |
| 21 | Fax của địa chỉ nhận thông báo Thuế | | VARCHAR2 | 20 |
| 22 | Email của địa chỉ nhận thông báo Thuế | | VARCHAR2 | 30 |
| 23 | Ngành nghề kinh doanh (nhập dạng text) | | VARCHAR2 | 200 |
| | <i>Ngành nghề kinh doanh chính (danh sách các ngành nghề)</i> | | | |
| 24 | Mã ngành nghề kinh doanh | Y | VARCHAR2 | 6 |
| 25 | Ngành chính | Y | VARCHAR2 | 1 |
| 26 | Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (Nếu nhập thì lấy ngày bắt đầu hoạt động, không nhập để trống – mâu thuẫn với cột “bắt buộc nhập”) | Y | DATE | 7 |
| 27 | Tổng số Lao Động | | NUMBER | 10 |
| | <i>Vốn điều lệ</i> | | | |
| 28 | Vốn NSNN | | NUMBER | 20 |
| 29 | Mã loại tiền của vốn ngân sách Nhà nước | | VARCHAR2 | 3 |
| 30 | Tỷ trọng vốn NSNN | | NUMBER | 5 |
| 31 | Vốn NN | | NUMBER | 20 |
| 32 | Mã loại tiền của vốn nước ngoài | | VARCHAR2 | 3 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|---------------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 33 | Tỷ trọng vốn NN | | NUMBER | 5 |
| 34 | Vốn khác | | NUMBER | 20 |
| 35 | Mã loại tiền của vốn khác | | VARCHAR2 | 3 |
| 36 | Tỷ trọng vốn khác | | NUMBER | 5 |
| | <i>Tài khoản ngân hàng</i> | | | |
| 37 | Mã tài khoản ngân hàng | | VARCHAR2 | 100 |
| 38 | Tên ngân hàng | | VARCHAR2 | 300 |
| | <i>Tài khoản kho bạc</i> | | | |
| 39 | Mã kho bạc | | VARCHAR2 | 5 |
| 40 | Mã tài khoản kho bạc | | VARCHAR2 | 20 |
| 41 | Mã chi tiết loại hình kinh tế | Y | VARCHAR2 | 5 |
| 42 | Hình thức hạch toán về kết quả kinh doanh (Y-Độc lập, N- Phụ thuộc) | | VARCHAR2 | 1 |
| | <i>Năm tài chính</i> | | | |
| 43 | Ngày bắt đầu năm tài chính | Y | DATE | 7 |
| 44 | Ngày kết thúc năm tài chính | Y | DATE | 7 |
| | <i>Thông tin về đơn vị chủ quản</i> | | | |
| 45 | Mã số thuế đơn vị chủ quản | Y | VARCHAR2 | 14 |
| 46 | Tên đơn vị chủ quản | Y | VARCHAR2 | 60 |
| 47 | Địa chỉ đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 60 |
| 48 | Mã Tỉnh/Thành phố đơn vị chủ quản | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 49 | Mã Quận/Huyện của đơn vị chủ quản | Y | VARCHAR2 | 5 |
| 50 | Mã Phường/Xã của đơn vị chủ quản | Y | VARCHAR2 | 7 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| | <i>Thông tin về chủ doanh nghiệp</i> | Y | | |
| 51 | Tên chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 30 |
| 52 | Số CMT của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 53 | Số hộ chiếu của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 54 | Điện thoại liên lạc của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 20 |
| 55 | Địa chỉ của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 56 | Mã Tỉnh/Thành phố của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 3 |
| 57 | Mã Quận/Huyện của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 5 |
| 58 | Mã Phường/Xã của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 7 |
| | <i>Các loại thuế phải nộp</i> | Y | | |
| 59 | Giá trị gia tăng | | VARCHAR2 | 2 |
| 60 | Tiêu thụ đặc biệt | | VARCHAR2 | 2 |
| 61 | Thuế xuất nhập khẩu | | VARCHAR2 | 2 |
| 62 | Tài nguyên | | VARCHAR2 | 2 |
| 63 | Thu nhập doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 2 |
| 64 | Môn bài | | VARCHAR2 | 2 |
| 65 | Tiền thuê đất | | VARCHAR2 | 2 |
| 66 | Phí, lệ phí | | VARCHAR2 | 2 |
| 67 | Thu nhập cá nhân | | VARCHAR2 | 2 |
| 68 | Khác | | VARCHAR2 | 2 |
| | <i>Thông tin khác</i> | | | |
| 69 | Tên giám đốc | | VARCHAR2 | 30 |
| 70 | Điện thoại của giám đốc | | VARCHAR2 | 30 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|----------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 71 | Tên kế toán trưởng | | VARCHAR2 | 30 |
| 72 | Điện thoại của kế toán trưởng | | VARCHAR2 | 30 |
| 73 | Tình trạng trước khi tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 2 |
| 74 | MST đã cấp trước khi tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có) | | VARCHAR2 | 14 |
| 75 | Ngày nhận TK (Ngày bên Thuế nhận yêu cầu cấp mã) | Y | DATE | 7 |

PHỤ LỤC 05

Thông tin Hệ thống ĐKKDQG truyền cho Hệ thống ĐKT trường hợp doanh nghiệp thay đổi nội dung ĐKDN

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

Thông tin thay đổi có thể là một hay nhiều thông tin trong các thông tin liên quan đến đăng ký doanh nghiệp sau đây:

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|-----------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 2 | Mã Tỉnh | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 3 | Mã kết quả trả về | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 4 | Mã doanh nghiệp (enterpriseId) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 5 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 6 | Mã số doanh nghiệp | Y | VARCHAR2 | 14 |
| 7 | Tên chính thức | Y | VARCHAR2 | 100 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|-----------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 8 | Tên Doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài | | VARCHAR2 | 60 |
| 9 | Tên viết tắt | | VARCHAR2 | 60 |
| 10 | Mã bảng kê (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) | Y | VARCHAR2 | 2 |
| | <i>Địa chỉ trụ sở</i> | | | |
| 11 | Số nhà, đường phố, thôn xã | | VARCHAR2 | 60 |
| 12 | Mã Tỉnh/Thành phố của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 13 | Mã Quận/Huyện của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 5 |
| 14 | Mã Phường/Xã của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 7 |
| 15 | Điện thoại của địa chỉ trụ sở | | VARCHAR2 | 20 |
| 16 | Fax của địa chỉ trụ sở | | VARCHAR2 | 20 |
| | <i>Địa chỉ nhận thông báo thuế</i> | | | |
| 17 | Số nhà, đường phố, thôn xã | | VARCHAR2 | 60 |
| 18 | Mã Tỉnh/Thành phố của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 3 |
| 19 | Mã Quận/Huyện của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 5 |
| 20 | Mã Phường/Xã của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 7 |
| 21 | Số Điện thoại của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 20 |
| 22 | Fax của địa chỉ nhận thông báo Thuế | | VARCHAR2 | 20 |
| 23 | Email của địa chỉ nhận thông báo Thuế | | VARCHAR2 | 30 |
| | <i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i> | | | |
| 24 | Ngày cấp | Y | DATE | 7 |
| 25 | Cơ quan cấp | | VARCHAR2 | 60 |
| 26 | Ngành nghề kinh doanh (nhập dạng text) | | VARCHAR2 | 200 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|-----------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| | <i>Ngành nghề kinh doanh chính (Danh sách ngành nghề)</i> | | | |
| 27 | Mã ngành nghề kinh doanh | Y | VARCHAR2 | 6 |
| 28 | Ngành chính | Y | VARCHAR2 | 1 |
| 29 | Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh | Y | DATE | 7 |
| 30 | Tổng số lao động | | NUMBER | 10 |
| | <i>Vốn điều lệ</i> | | | |
| 31 | Vốn NSNN | | NUMBER | 20 |
| 32 | Mã loại tiền của vốn ngân sách Nhà nước | | VARCHAR2 | 3 |
| 33 | Tỷ trọng vốn NSNN | | NUMBER | 5 |
| 34 | Vốn NN | | NUMBER | 20 |
| 35 | Mã loại tiền của vốn nước ngoài | | VARCHAR2 | 3 |
| 36 | Tỷ trọng vốn NN | | NUMBER | 5 |
| 37 | Vốn khác | | NUMBER | 20 |
| 38 | Mã loại tiền của vốn khác | | VARCHAR2 | 3 |
| 39 | Tỷ trọng vốn khác | | NUMBER | 5 |
| | <i>Tài khoản ngân hàng</i> | | | |
| 40 | Mã tài khoản ngân hàng | | VARCHAR2 | 100 |
| 41 | Tên ngân hàng | | VARCHAR2 | 300 |
| | <i>Tài khoản kho bạc</i> | | | |
| 42 | Mã kho bạc | | VARCHAR2 | 5 |
| 43 | Mã tài khoản kho bạc | | VARCHAR2 | 20 |
| 44 | Mã chi tiết loại hình kinh tế | Y | VARCHAR2 | 5 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|---------------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 45 | Hình thức hạch toán về kết quả kinh doanh (Y-Độc lập, N- Phụ thuộc) | | VARCHAR2 | 1 |
| | <i>Năm tài chính</i> | | | |
| 46 | Ngày bắt đầu năm tài chính | Y | DATE | 7 |
| 47 | Ngày kết thúc năm tài chính | Y | DATE | 7 |
| | <i>Thông tin về đơn vị chủ quản</i> | | | |
| 48 | Mã số thuế đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 14 |
| 49 | Tên đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 60 |
| 50 | Địa chỉ đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 60 |
| 51 | Mã Tỉnh/Thành phố đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 3 |
| 52 | Mã Quận/Huyện của đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 5 |
| 53 | Mã Phường/Xã của đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 7 |
| | <i>Thông tin về chủ doanh nghiệp</i> | | | |
| 54 | Tên chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 30 |
| 55 | Số CMT của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 56 | Số hộ chiếu của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 57 | Điện thoại liên lạc của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 20 |
| 58 | Địa chỉ của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 59 | Mã Tỉnh/Thành phố của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 3 |
| 60 | Mã Quận/Huyện của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 5 |
| 61 | Mã Phường/Xã của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 7 |
| | <i>Các loại thuế phải nộp</i> | | | |
| 62 | Giá trị gia tăng. | | VARCHAR2 | 2 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|-------------|----------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------|
| 63 | Tiêu thụ đặc biệt | | VARCHAR2 | 2 |
| 64 | Thuế xuất nhập khẩu | | VARCHAR2 | 2 |
| 65 | Tài nguyên | | VARCHAR2 | 2 |
| 66 | Thu nhập doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 2 |
| 67 | Môn bài | | VARCHAR2 | 2 |
| 68 | Tiền thuê đất | | VARCHAR2 | 2 |
| 69 | Phí, lệ phí | | VARCHAR2 | 2 |
| 70 | Thu nhập cá nhân | | VARCHAR2 | 2 |
| 71 | Khác | | VARCHAR2 | 2 |
| | <i>Thông tin khác</i> | | | |
| 72 | Tên giám đốc | | VARCHAR2 | 30 |
| 73 | Điện thoại của giám đốc | | VARCHAR2 | 30 |
| 74 | Tên kế toán trưởng | | VARCHAR2 | 30 |
| 75 | Điện thoại của kế toán trưởng | | VARCHAR2 | 30 |
| 76 | Tình trạng trước khi tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 2 |
| 77 | MST đã cấp trước khi tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có) | | VARCHAR2 | 14 |

PHỤ LỤC 06

**Thông tin Hệ thống ĐKKDQG truyền cho Hệ thống ĐKT trường hợp
doanh nghiệp đăng ký chuyển địa điểm**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)*

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------|-------------------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 2 | Mã Tỉnh chuyển đi | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 3 | Mã Tỉnh chuyển đến | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 4 | Mã kết quả trả về | Y | VARCHAR2 | 2 |
| 5 | Mã doanh nghiệp (enterpriseId) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 6 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 7 | Mã số doanh nghiệp | Y | VARCHAR2 | 14 |
| 8 | Tên chính thức | Y | VARCHAR2 | 100 |
| 9 | Tên Doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài | | VARCHAR2 | 60 |
| 10 | Tên viết tắt | | VARCHAR2 | 60 |
| 11 | Mã bảng kê (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) | Y | VARCHAR2 | 2 |
| | <i>Địa chỉ trụ sở</i> | | | |
| 12 | Số nhà, đường phố, thôn xã | | VARCHAR2 | 60 |
| 13 | Mã Tỉnh/Thành phố của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 3 |
| 14 | Mã Quận/Huyện của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 5 |
| 15 | Mã Phường/Xã của địa chỉ trụ sở | Y | VARCHAR2 | 7 |
| 16 | Điện thoại của địa chỉ trụ sở | | VARCHAR2 | 20 |
| 17 | Fax của địa chỉ trụ sở | | VARCHAR2 | 20 |
| | <i>Địa chỉ nhận thông báo thuế</i> | | | |
| 18 | Số nhà, đường phố, thôn xã | | VARCHAR2 | 60 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|---------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 19 | Mã Tỉnh/Thành phố của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 3 |
| 20 | Mã Quận/Huyện của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 5 |
| 21 | Mã Phường/Xã của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 7 |
| 22 | Số Điện thoại của địa chỉ nhận thông báo thuế | | VARCHAR2 | 20 |
| 23 | Fax của địa chỉ nhận thông báo Thuế | | VARCHAR2 | 20 |
| 24 | Email của địa chỉ nhận thông báo Thuế | | VARCHAR2 | 30 |
| | <i>Giấy chứng nhận đăng ký KD</i> | | | |
| 25 | Ngày cấp | Y | DATE | 7 |
| 26 | Cơ quan cấp | | VARCHAR2 | 60 |
| 27 | Ngành nghề kinh doanh (nhập dạng text) | | VARCHAR2 | 200 |
| | <i>Ngành nghề kinh doanh chính</i> | | | |
| 28 | Mã ngành nghề kinh doanh | Y | VARCHAR2 | 6 |
| 29 | Ngành chính | Y | VARCHAR2 | 1 |
| 30 | Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh | Y | DATE | 7 |
| 31 | Tổng số lao động | | NUMBER | 10 |
| | <i>Vốn điều lệ</i> | | | |
| 32 | Vốn NSNN | | NUMBER | 20 |
| 33 | Mã loại tiền của vốn ngân sách Nhà nước | | VARCHAR2 | 3 |
| 34 | Tỷ trọng vốn NSNN | | NUMBER | 5 |
| 35 | Vốn NN | | NUMBER | 20 |
| 36 | Mã loại tiền của vốn nước ngoài | | VARCHAR2 | 3 |
| 37 | Tỷ trọng vốn NN | | NUMBER | 5 |
| 38 | Vốn khác | | NUMBER | 20 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|----------------------------------------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 39 | Mã loại tiền của vốn khác | | VARCHAR2 | 3 |
| 40 | Tỷ trọng vốn khác | | NUMBER | 5 |
| | <i>Tài khoản ngân hàng</i> | | | |
| 41 | Mã tài khoản ngân hàng | | VARCHAR2 | 100 |
| 42 | Tên ngân hàng | | VARCHAR2 | 300 |
| | <i>Tài khoản kho bạc</i> | | | |
| 43 | Mã kho bạc | | VARCHAR2 | 5 |
| 44 | Mã tài khoản kho bạc | | VARCHAR2 | 20 |
| 45 | Mã chi tiết loại hình kinh tế | Y | VARCHAR2 | 5 |
| 46 | Hình thức hoạch toán về kết quả kinh doanh (Y-Độc lập, N- Phụ thuộc) | | VARCHAR2 | 1 |
| | <i>Năm tài chính</i> | | | |
| 47 | Ngày bắt đầu năm tài chính | Y | DATE | 7 |
| 48 | Ngày kết thúc năm tài chính | Y | DATE | 7 |
| | <i>Thông tin về đơn vị chủ quản</i> | | | |
| 49 | Mã số thuế đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 14 |
| 50 | Tên đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 60 |
| 51 | Địa chỉ đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 60 |
| 52 | Mã Tỉnh/Thành phố đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 3 |
| 53 | Mã Quận/Huyện của đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 5 |
| 54 | Mã Phường/Xã của đơn vị chủ quản | | VARCHAR2 | 7 |
| | <i>Thông tin về chủ doanh nghiệp</i> | | | |
| 55 | Tên chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 30 |
| 56 | Số CMT của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 57 | Số hộ chiếu của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 58 | Điện thoại liên lạc của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 20 |

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|-------------|----------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------|
| 59 | Địa chỉ của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 60 |
| 60 | Mã Tỉnh/Thành phố của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 3 |
| 61 | Mã Quận/Huyện của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 5 |
| 62 | Mã Phường/Xã của chủ doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 7 |
| | <i>Các loại thuế phải nộp</i> | | | |
| 63 | Giá trị gia tăng. | | VARCHAR2 | 2 |
| 64 | Tiêu thụ đặc biệt | | VARCHAR2 | 2 |
| 65 | Thuế xuất nhập khẩu | | VARCHAR2 | 2 |
| 66 | Tài nguyên | | VARCHAR2 | 2 |
| 67 | Thu nhập doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 2 |
| 68 | Môn bài | | VARCHAR2 | 2 |
| 69 | Tiền thuê đất | | VARCHAR2 | 2 |
| 70 | Phí, lệ phí | | VARCHAR2 | 2 |
| 71 | Thu nhập cá nhân | | VARCHAR2 | 2 |
| 72 | Khác | | VARCHAR2 | 2 |
| | <i>Thông tin khác</i> | | | |
| 70 | Tên giám đốc | | VARCHAR2 | 30 |
| 71 | Điện thoại của giám đốc | | VARCHAR2 | 30 |
| 72 | Tên kế toán trưởng | | VARCHAR2 | 30 |
| 73 | Điện thoại của kế toán trưởng | | VARCHAR2 | 30 |
| 74 | Tình trạng trước khi tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp | | VARCHAR2 | 2 |
| 75 | MST đã cấp trước khi tổ chức sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có) | | VARCHAR2 | 14 |
| 76 | Ngày nhận TK (Ngày bên Thuế nhận yêu cầu cấp mã) | Y | DATE | 7 |

PHỤ LỤC 07

Thông tin Hệ thống ĐKKDQG truyền cho Hệ thống ĐKT trường hợp doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|---------|-----------------------------------------|-------------|-----------------|-----------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 02 |
| 2 | Mã Tỉnh | Y | VARCHAR2 | 03 |
| 3 | Mã kết quả | | VARCHAR2 | 02 |
| 4 | Mã doanh nghiệp (enterpriseId) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 5 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 6 | Mã số doanh nghiệp | Y | VARCHAR2 | 14 |
| 7 | Tạm ngừng từ ngày | Y | DATE | 7 |
| 8 | Tạm ngừng tới ngày | Y | DATE | 7 |
| 9 | Lý do tạm ngừng | Y | VARCHAR2 | 100 |

PHỤ LỤC 08

Thông tin Hệ thống ĐKKDQG truyền cho Hệ thống ĐKT trường hợp giải thể doanh nghiệp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận ĐKDN

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| STT | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|-----|-----------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 02 |
| 2 | Mã Tỉnh | Y | VARCHAR2 | 03 |
| 3 | Mã kết quả | | VARCHAR2 | 02 |
| 4 | Mã doanh nghiệp (enterpriseId) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 5 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 6 | Mã số doanh nghiệp | Y | VARCHAR2 | 14 |
| 7 | Ngày đăng ký đóng cửa | Y | Date | 14 |
| 8 | Lý do đóng cửa | | VARCHAR2 | 100 |

PHỤ LỤC 09

Thông tin Hệ thống ĐKKDQG truyền cho Hệ thống ĐKT trường hợp đăng ký khôi phục tạm ngừng kinh doanh

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| ST T | Thông tin NNT | Bắt Buộc | Kiểu dữ liệu | Độ dài |
|------|-----------------------------------------|----------|--------------|--------|
| 1 | Mã giao dịch | Y | VARCHAR2 | 02 |
| 2 | Mã Tỉnh | Y | VARCHAR2 | 03 |
| 3 | Mã kết quả | | VARCHAR2 | 02 |
| 4 | Mã doanh nghiệp (enterpriseId) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 5 | Mã xử lý (process ID) | Y | VARCHAR2 | 20 |
| 6 | Mã số doanh nghiệp | Y | VARCHAR2 | 14 |

PHỤ LỤC 10

Các tình huống xảy ra trong quá trình trao đổi thông tin và hướng dẫn xử lý tình huống
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TCT ngày / /2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

| Mã kết quả | TÊN GIAO DỊCH | TÌNH HUỐNG XẢY RA | XỬ LÝ TÌNH HUỐNG |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A - KẾT QUẢ HỆ THỐNG ĐKT TRẢ VỀ CHO HỆ THỐNG ĐKKDQG | | | |
| I. Khi đăng ký mới doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc: | | | |
| 00 | Xác nhận giao dịch thành công | Hệ thống ĐKT trả kết quả cấp mã số thuế thành công cho hệ thống ĐKKDQG | |
| 01 | Trùng thông tin với doanh nghiệp khác (CMT) | Thông báo này chỉ xuất hiện khi đăng ký mới doanh nghiệp tư nhân, thông tin về số CMT của chủ Doanh nghiệp tư nhân lại trùng với CMT của chủ doanh nghiệp tư nhân khác đã có trong CSDL của hệ thống ĐKT và đang hoạt động. | CB ĐKKD kiểm tra lại doanh nghiệp có nhập nhằm hay CB ĐKKD có nhập nhằm số CMT của chủ DNTN hay không? Nếu đảm bảo nhập đúng thì có thể là cá nhân này thành lập DNTN thứ hai. |
| 03 | Đơn vị trực thuộc đã được đăng ký. | Thông báo này chỉ xuất hiện khi đăng ký mới đơn vị trực thuộc. Hệ thống ĐKT kiểm tra đơn vị trực thuộc này đã có mã số trong CSDL và đang hoạt động. Vì vậy hệ thống ĐKT sẽ không cấp mã số mới cho ĐVTT. | Cán bộ ĐKKD ghi lại thông tin về mã số doanh nghiệp hệ thống ĐKT đã cấp trước đây cho đơn vị trực thuộc, cập nhật lại thông tin mới về ĐVTT nếu có thông tin thay đổi. |

| Mã kết quả | TÊN GIAO DỊCH | TÌNH HUỐNG XẢY RA | XỬ LÝ TÌNH HUỐNG |
|------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | Thông tin gửi GDT (Tổng cục Thuế) không đầy đủ | Khi nhận thông tin từ hệ thống ĐKKDQG truyền sang theo các quy trình (cả trường hợp đăng ký mới lần đăng ký thay đổi thông tin). Hệ thống ĐKT kiểm tra, nếu kiểm tra thiếu các trường thông tin bắt buộc, hay độ dài các trường khác chuẩn quy ước chung giữa hai bên thì hệ thống đưa ra thông báo "Thông tin gửi GDT không đầy đủ", kèm theo chi tiết trường dữ liệu thiếu hoặc gây lỗi | Từ những thông tin thiếu mà Tổng cục Thuế phản hồi. Cán bộ ĐKKD bổ sung, sửa đổi để hồ sơ được đầy đủ sau đó gửi lại thông tin đã bổ sung sửa đổi sang hệ thống ĐKT. |
| 12 | TIN của công ty mẹ không có trong hệ thống | Khi đăng ký mới đơn vị trực thuộc, VPĐD, địa điểm KD, trong hồ sơ phải có MST của đơn vị chủ quản. Khi nhận yêu cầu cấp MST cho ĐVTT từ hệ thống ĐKKDQG truyền sang, hệ thống ĐKT kiểm tra và không tìm thấy MST của đơn vị chủ quản, sẽ gửi thông báo cho hệ thống ĐKKDQG "TIN của công ty mẹ không có trong hệ thống". | Cán bộ ĐKKD kiểm tra lại xem doanh nghiệp có kê khai nhằm MST của doanh nghiệp chủ quản không? Hay người sử dụng có nhập nhằm MST của doanh nghiệp chủ quản không? Nếu đảm bảo đã nhập đúng, cần phối hợp với cán bộ ĐKT rà soát lại thông tin doanh nghiệp theo quy trình "Đồng bộ thông tin doanh nghiệp khi bắt đầu triển khai hệ thống giữa 2 ngành". Trường hợp đã rà soát vẫn chưa tìm ra nguyên nhân, cần báo cáo và phối hợp với đơn vị chủ quản cấp trên tìm nguyên nhân và khắc phục. |

| Mã kết quả | TÊN GIAO DỊCH | TÌNH HUỐNG XẢY RA | XỬ LÝ TÌNH HUỐNG |
|------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13 | Không được cơ quan Thuế chấp nhận | Khi hồ sơ đăng ký kinh doanh chuyển xuống Cục Thuế qua hệ thống cán bộ Cục Thuế thấy hồ sơ chưa hợp lệ gửi lại phản hồi cho Bộ KHĐT không chấp nhận cấp mã số thuế với cán bộ cục thuế nhập chi tiết lý do từ chối. truyền sang Bộ KHĐT. | Từ những lý do từ chối cấp mã từ cán bộ Cục Thuế. Cán bộ phòng ĐKKD có hành động khắc phục thích hợp để hồ sơ hợp lệ. Như báo lại cho Doanh nghiệp sửa thông tin. Kiểm tra lại thông tin nhập đã chính xác chưa. |
| 14 | Mã số thuế của đơn vị chủ quản đang ở trạng thái không hoạt động | Khi đăng ký mới đơn vị trực thuộc, VPĐD, địa điểm KD, trong hồ sơ đăng ký có MST của đơn vị chủ quản. Hệ thống ĐKKDQG truyền sang hệ thống ĐKT để yêu cầu cấp MST cho ĐVTT. Hệ thống ĐKT kiểm tra và thấy đơn vị chủ quản đang ở trạng thái không hoạt động (Đóng cửa - 01, ngừng hoạt động nhưng chưa đóng mã số thuế - 03). Hệ thống đưa ra thông báo lỗi với chi tiết trạng thái hiện tại của đơn vị chủ quản. | CQ ĐKKD cần kiểm tra lại thực tế đơn vị chủ quản có còn hoạt động hay không? Nếu thực tế không còn hoạt động thì ĐVTT hoặc VPĐD không đăng ký được mã 13 số. Nếu ĐVTT vẫn yêu cầu ĐK thành lập thì phải thực hiện thủ tục ĐK doanh nghiệp độc lập để được cấp mã 10 số. |
| 20 | Sai loại hình kinh tế với đơn vị chủ quản | Khi đăng ký mới Đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh, hệ thống ĐKT kiểm tra thấy Loại hình doanh nghiệp của đơn vị trực thuộc khác với LHDN của đơn vị chủ quản đang có trong CSDL, sẽ thông báo lỗi "Sai loại hình kinh tế với đơn vị chủ quản". VD: Đơn vị chủ quản là Công ty cổ phần nhưng đơn vị trực thuộc lại là Công ty TNHH | Kiểm tra lại hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp chủ quản với đơn vị trực thuộc xem có đúng loại hình doanh nghiệp không. Nếu sai yêu cầu doanh nghiệp kê khai lại. |

| Mã kết quả | TÊN GIAO DỊCH | TÌNH HUỐNG XẢY RA | XỬ LÝ TÌNH HUỐNG |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 | Sai địa bàn đăng ký (so với địa chỉ trụ sở ghi trong đơn đăng ký) | DN đi đăng ký tại một tỉnh nhưng địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp ghi trong hồ sơ ĐK lại ở tỉnh khác. Hệ thống trả thông báo lỗi "Sai địa bàn". VD: Đăng ký thuế tại Hà Nội nhưng trụ sở chính của doanh nghiệp ghi trong hồ sơ đăng ký là Hải Phòng. | Yêu cầu doanh nghiệp kê khai lại, doanh nghiệp có trụ sở chính ở tỉnh nào thì đăng ký kinh doanh và ĐKT ở tỉnh đấy. |
| 22 | Sai mã TIN hoặc sai địa bàn đơn vị chủ quản | Khi đăng ký mới đơn vị trực thuộc, VP đại diện, địa điểm kinh doanh, địa bàn trụ sở chính của đơn vị chủ quản kê khai trong hồ sơ đăng ký của ĐVTT không giống với địa bàn đơn vị chủ quản đã có trong hệ thống đăng ký thuế. | Kiểm tra lại hồ sơ đăng kí kinh doanh của đơn vị trực thuộc có kê khai đúng địa chỉ trụ sở của đơn vị chủ quản không. Nếu sai, yêu cầu kê khai lại. |
| 23 | Sai số CMT của đơn vị chủ quản | Trong hồ sơ ĐKT của doanh nghiệp tư nhân hoặc ĐVTT của DNTN đều có số CMT của chủ DNTN. Vì vậy, khi đăng ký mới hoặc thay đổi thông tin của đơn vị trực thuộc, nếu thông tin về số CMT của chủ DNTN khác với CMT trong hồ sơ của DNTN thì hệ thống ĐKT sẽ báo lỗi này. | Kiểm tra cán bộ ĐKKD có nhập nhầm không, hoặc hồ sơ đăng kí kinh doanh của đơn vị trực thuộc có kê khai sai CMT của chủ DNTN không. Nếu sai, nhập lại hoặc yêu cầu ĐVTT kê khai lại. |
| II. Khi đăng ký thay đổi thông tin doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc của DN | | | |
| 02 | Mã số thuế không tồn tại trong hệ thống | Khi CB ĐKKD nhập thay đổi thông tin, tạm nghỉ kinh doanh, tái hoạt động hoặc đóng cửa doanh nghiệp, thực hiện truyền MST sang Tổng cục Thuế. Hệ thống ĐKT của TCT không tìm thấy mã số thuế đó trong hệ thống và trả lại thông báo "MST không tồn tại trong hệ thống". | CB ĐKKD kiểm tra lại mã số thuế doanh nghiệp kê khai đã đúng chưa, hay người sử dụng nhập nhầm mã số. Nếu đã đúng thì xử lý theo tiết c, điểm 2.2, mục 2 phần B-II "Đồng bộ thông tin doanh nghiệp khi bắt đầu triển khai hệ thống giữa 2 ngành" |

| Mã kết quả | TÊN GIAO DỊCH | TÌNH HUỐNG XẢY RA | XỬ LÝ TÌNH HUỐNG |
|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | Sai loại hình doanh nghiệp tại hệ thống đăng ký thuế | Khi Doanh nghiệp đăng ký thay đổi thông tin. Thông tin về LHDN có trong hệ thống đăng ký thuế lại không phải là doanh nghiệp, VD: đang là Hộ cá thể, nhà thầu nước ngoài... Thì hệ thống trả kết quả báo lỗi. | Phối hợp với cán bộ thuế xác định chính xác loại hình của doanh nghiệp. Nếu thực tế LHDN khác với thông tin trong hệ thống đang lưu, yêu cầu doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi thông tin về LHDN. |
| 18 | MST không còn hoạt động | Khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi thông tin, tạm ngừng hoạt động, khôi phục tạm ngừng hoạt động, hoặc thu hồi GCNĐKDN, Hệ thống ĐKKDQG truyền MST sang để thực hiện các quy trình đó. Nhưng trong hệ thống ĐKT, MST đó đang ở trạng thái không còn hoạt động (đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế) thì hệ thống ĐKT sẽ trả thông báo "MST không còn hoạt động" | Cán bộ ĐKKD kiểm tra lại xem có nhập nhầm MST của doanh nghiệp không. Nếu đảm bảo đã nhập đúng, cần phối hợp với CB ĐKT kiểm tra lại hồ sơ doanh nghiệp thực hiện đóng cửa từ thời gian nào và thông báo lại cho doanh nghiệp biết. |
| III. Khi đăng ký chuyển địa điểm doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc | | | |
| 06 | NNT chưa đăng ký chuyển địa điểm đi | Khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp từ tỉnh này sang tỉnh khác (chuyển địa điểm). Doanh nghiệp hoặc ĐVTT chưa thực hiện việc chuyển địa điểm đi tại Cục Thuế quản lý. | Cán bộ ĐKKD hướng dẫn cho doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục về thuế với cơ quan thuế nơi chuyển đi trước khi chuyển đến địa điểm mới theo quy định tại..... Nghị định 43. |

| Mã kết quả | TÊN GIAO DỊCH | TÌNH HUỐNG XẢY RA | XỬ LÝ TÌNH HUỐNG |
|------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 07 | Số CMT không đúng với đăng ký trước khi chuyển địa điểm | Thông báo này xảy ra khi DNTN đăng ký chuyển địa điểm, CMT của chủ doanh nghiệp tư nhân khi chuyển đi không giống với CMT của chủ doanh nghiệp tư nhân khi chuyển địa điểm đến. | CB ĐKKD kiểm tra lại doanh nghiệp kê khai nhằm hay CB ĐKKD có nhập nhằm CMT của chủ DNTN trong hồ sơ chuyển địa điểm hay không. Nếu đã nhập đúng cần kiểm tra lại chủ DNTN ghi trong hồ sơ chuyển địa điểm có đúng là chủ DNTN trước đây không? hay DNTN trước đây đã chuyển đổi chủ sở hữu nhưng không thông báo cho cơ quan ĐKKD hoặc cơ quan Thuế. Nếu đúng DNTN đã chuyển đổi chủ sở hữu cần yêu cầu doanh nghiệp thực hiện thủ tục thay đổi thông tin doanh nghiệp trước khi thực hiện thủ tục chuyển địa điểm. |
| 15 | Sai địa bàn với nơi đăng ký chuyển đến | Trong quy trình chuyển địa điểm: - Doanh nghiệp làm thủ tục về thuế, hoá đơn tại cơ quan thuế tỉnh A nơi chuyển đi, đồng thời đăng ký chuyển từ tỉnh A sang tỉnh B. Hệ thống ĐKT của TCT sẽ tự động chuyển dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp cho Cục Thuế tỉnh B. - Nhưng khi đi ĐK chuyển địa điểm, doanh nghiệp lại chuyển từ tỉnh A sang tỉnh C. Vì vậy, hệ thống ĐKT sẽ thông báo “Sai địa bàn nơi đăng ký chuyển đến” và sẽ không chấp nhận việc đăng ký này tại tỉnh C | Yêu cầu doanh nghiệp chuyển địa bàn đến phải trùng với nơi đến đã kê khai với CQT nơi đi. Trường hợp thực tế doanh nghiệp muốn chuyển đến tỉnh C, yêu cầu doanh nghiệp phải đăng ký lại cho CQT nơi đi sửa lại thông tin nơi chuyển đến trong hệ thống ĐKT. |

| Mã kết quả | TÊN GIAO DỊCH | TÌNH HUỐNG XẢY RA | XỬ LÝ TÌNH HUỐNG |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16 | Sai loại hình kinh tế với trước khi chuyển đi | Loại hình doanh nghiệp trước khi chuyển địa điểm khác với loại hình doanh nghiệp sau khi chuyển địa điểm. VD: trước khi chuyển địa điểm là Công ty cổ phần, khi đăng ký chuyển địa điểm lại ghi là Công ty TNHH. | Cán bộ ĐKKD kiểm tra lại loại hình doanh nghiệp trước đây và LHDN trong hồ sơ chuyển địa điểm, nếu doanh nghiệp kê khai sai yêu cầu doanh nghiệp sửa đổi lại. Nếu thực tế doanh nghiệp đã chuyển đổi LHDN, yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi thông tin doanh nghiệp trước khi chuyển địa điểm, hoặc sau khi đã chuyển địa điểm xong. |
| IV. Khi đăng ký khôi phục tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc | | | |
| 19 | MST không phải ở trạng thái đang tạm ngừng hoạt động | Khi hệ thống ĐKT thực hiện quy trình khôi phục tạm ngừng hoạt động cho doanh nghiệp (sau 1 thời gian tạm ngừng hoạt động) theo yêu cầu của hệ thống ĐKKDQG, nhưng MST trong hệ thống ĐKT lại khác trạng thái đang tạm ngừng hoạt động. Vì vậy hệ thống ĐKT trả về thông báo lỗi "MST không phải ở trạng thái đang tạm ngừng hoạt động". | <ul style="list-style-type: none"> - Nếu MST đang ở trạng thái hoạt động thì cán bộ ĐKKD không phải nhập thông tin gì vào hệ thống, chỉ thông báo lại cho doanh nghiệp biết doanh nghiệp vẫn đang ở trạng thái hoạt động bình thường (trường hợp này có thể khi bắt đầu tạm ngừng hoạt động doanh nghiệp đã không thông báo cho CQ ĐKKD và cơ quan Thuế). - Nếu MST đang ở trạng thái chuyển địa điểm, báo lại cho doanh nghiệp để doanh nghiệp đi đăng ký chuyển địa điểm với nơi đến. - Nếu MST đang ở trạng thái đóng cửa thì doanh nghiệp không được khôi phục lại MST để tiếp tục hoạt động. |

| Mã kết quả | TÊN GIAO DỊCH | TÌNH HUỐNG XẢY RA | XỬ LÝ TÌNH HUỐNG |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 99 | Lỗi khác | Mọi số lỗi không xác định nguyên nhân trong quá trình trao đổi. | Cán bộ ĐKKD phối hợp với cán bộ đăng ký thuế cùng cấp để xử lý các lỗi, hoặc phối hợp với cơ quan chủ quản cấp trên để cùng tìm nguyên nhân lỗi. |
| B - KẾT QUẢ HỆ THỐNG ĐKKDQG TRẢ VỀ CHO HỆ THỐNG ĐKT | | | |
| 79 | Chờ xác nhận | Thông báo này xảy ra sau khi CQT chuyển MST cho cơ quan ĐKKD. CQT chờ xác nhận của CQĐKKD mã số thuế này được cấp GCNĐKDN hay không đủ điều kiện cấp GCNĐKDN. | |
| 80 | Xác nhận cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | Thông báo này xảy ra khi hệ thống ĐKKDQG kết thúc quy trình ĐKDN và doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận ĐKDN kèm theo ngày cấp GCN | Hệ thống ĐKT nhận được thông báo này, tự động cập nhật ngày cấp GCNĐKDN thay thế cho ngày cấp mã số thuế cũ trong hệ thống. Công khai mã số doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử. |
| 81 | Không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Hệ thống ĐKT nhận được thông báo này, tự động huỷ mã số thuế đã cấp trong hệ thống ĐKT cấp Tổng cục và Cục Thuế. |